Phụ lục IX

QUY HOẠCH LƯỚI ĐIỆN TỈNH QUẢNG TRỊ THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1737/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

A. DANH MỤC NGUỒN ĐIỆN GIAI ĐOẠN ĐẾN NĂM 2030

STT	Tên dự án	Loại nguồn	Công suất đặt (MW)	Giai đoạn vận hành	Ghi chú
I	**Nhiệt điện**		**3160**		
1	Tua bin khí hỗn hợp Quảng Trị (Báo Vàng)	Điện khí	340	2021 - 2030	Thực hiện theo Quy hoạch điện VIII và Kế hoạch thực hiện điện VIII
2	LNG Hải Lăng	LNG	1500	2021 - 2030	
3	Nhiệt điện than Quảng Trị	Điện than (Đề xuất chuyển đổi sang LNG)	1.320	2021 - 2030	
II	**Thủy điện**				Thực hiện theo Quy hoạch điện VIII và Kế hoạch thực hiện điện VIII
III	**Điện gió**		**496,3**		
1	Hướng Phùng 1	Điện gió trên bờ	30	2023 - 2025	Thực hiện theo Quy hoạch điện VII
2	Hướng Hiệp 1 (phần còn lại)	Điện gió trên bờ	25,5	2023 - 2025	
3	Hướng Linh 3	Điện gió trên bờ	30	2023 - 2025	

STT	Tên dự án	Loại nguồn	Công suất đặt (MW)	Giai đoạn vận hành	Ghi chú
4	Hướng Linh 4	Điện gió trên bờ	30	2023 - 2025	điều chỉnh
5	Tân Hợp	Điện gió trên bờ	38	2023 - 2025	
6	Quảng Trị TNC 1	Điện gió trên bờ	50	2023 - 2025	
7	Quảng Trị TNC 2	Điện gió trên bờ	50	2023 - 2025	Thực hiện theo Quy hoạch điện VII điều chỉnh.
8	Hướng Linh 7 (phần còn lại)	Điện gió trên bờ	16,8	2023 - 2025	
9	LIG - Hướng Hóa 1	Điện gió trên bờ	48	2023 - 2025	
10	LIG - Hướng Hóa 2	Điện gió trên bờ	48	2023 - 2025	
11	Hải Anh - Quảng Trị	Điện gió trên bờ	40	2023 - 2025	
12	Hướng Linh 5	Điện gió trên bờ	30	2023 - 2025	
13	Hướng Hiệp 2	Điện gió trên bờ	30	2023 - 2025	
14	Hướng Hiệp 3	Điện gió trên bờ	30	2023 - 2025	

B. DANH MỤC TRẠM BIẾN ÁP (TBA) GIAI ĐOẠN ĐẾN NĂM 2030

STT	Trạm biến áp	Điện áp (kV)	Tổng công suất (MVA)	Ghi chú
I	**Giai đoạn đến năm 2025**			
1	**500 kV**			
1.1	TBA 500 kV Quảng Trị	500	1x900	Xây mới
1.2	TBA 500 kV Lao Bảo (Hướng Hóa)	500	1x900	Xây mới
1.3	Trạm cắt 500 kV Quảng Trị 2	500		Xây mới
2	**220 kV**			
2.1	TBA 220 kV Đông Hà	220	125+250	Nâng công suất
2.2	TBA 220 kV Lao Bảo	220	2x375	Nâng công suất
2.3	TBA 220 kV Hướng Linh	220	250	Xây mới. Giải phóng công suất nguồn điện khu vực.
2.4	TBA 220 kV Hướng Tân	220	500	Cải tạo. Giải phóng công suất

STT	Trạm biến áp	Điện áp (kV)	Tổng công suất (MVA)	Ghi chú
				nguồn điện khu vực.
3	**110 kV**			
3.1	TBA 110 kV Đông Hà	110	2x63	Nâng công suất
3.2	TBA 110 kV Bắc Hồ Xá	110	1x40	Xây mới
3.3	TBA 110 kV Lao Bảo	110	2x25	Nâng công suất
3.4	TBA 110 kV Khe Sanh	110	2x25	Nâng công suất
3.5	TBA 110 kV Diên Sanh	110	25+63	Nâng công suất
3.6	TBA 110 kV Triệu Phong	110	1x40	Xây mới
3.7	TBA 110 kV Mỹ Thủy	110	1x63	Xây mới
3.8	TBA 110 kV Khu kinh tế Đông Nam	110	1x40	Xây mới
II	**Giai đoạn 2026 - 2030**			
1	**500 kV**			
	TBA 500 kV Hướng Hóa	500	2x900	Nâng công suất
2	**220 kV**			
2.1	TBA 220 kV Đông Hà	220	2x250	Nâng công suất
2.2	TBA 220 kV Đông Nam	220	1x250	Xây mới
3	**110 kV**			
3.1	TBA 110 kV Đông Giang	110	1x40	Xây mới
3.2	TBA 110 kV Quán Ngang	110	25+63	Nâng công suất
3.3	TBA 110 kV Vĩnh Linh	110	40+63	Nâng công suất
3.4	TBA 110 kV thị xã Quảng Trị	110	1x40	Xây mới
3.5	TBA 110 kV QTIP	110	2x63	Xây mới, xem xét mở rộng lên 3x63 MVA theo mức độ phát triển phụ tải
3.6	TBA 110 kV Đông Nam nối cấp	110	1x63	Xây mới
3.7	TBA 110 kV Triệu Trạch 1	110	2x63	Xây mới

C. DANH MỤC ĐƯỜNG DÂY GIAI ĐOẠN ĐẾN NĂM 2030

STT	Đường dây	Tiết diện	Số mạch	Chiều dài (km)	Ghi chú
I	**Giai đoạn đến năm 2025**				
1	**500 kV**				

STT	Đường dây	Tiết diện	Số mạch	Chiều dài (km)	Ghi chú
1.1	Đường dây 500 kV TBA 500 kV Quảng Trị chuyển tiếp trên đường dây Vũng Áng - Đà Nẵng	ACSR 4x330	4	1	Xây mới
1.2	Đường dây 500 kV Lao Bảo - Trạm cắt Quảng Trị 2	ACSR 4x330	2	30	Xây mới
1.3	Đường dây 500 kV Trạm cắt Quảng Trị 2 chuyển tiếp trên đường dây Quảng Trạch - Dốc Sỏi	ACSR 4x330	4	2	Xây mới
2	**220 kV**				
2.1	Mạch 3 đường dây 220 kV Đông Hà - Huế	ACSR 400	1	34	Xây mới
2.2	TBA 500 kV Quảng Trị chuyển tiếp trên 2 mạch đường dây 220 kV Đông Hà - Huế	ACSR 400	4	2	Xây mới
2.3	TBA 500 kV Quảng Trị chuyển tiếp trên mạch 3 đường dây 220 kV Đông Hà - Huế	ACSR 400	2	2	Xây mới
2.4	TBA 500 kV Hướng Hóa chuyển tiếp trên đường dây 220 kV Lao Bảo - Đông Hà	ACSR 2x400	4	2.5	Xây mới
2.5	TBA 500 kV Hướng Hóa chuyển tiếp trên đường dây Lao Bảo – Điện gió Tài Tâm	ACSR 2x400	2	5.5	Xây mới
2.6	Đường dây 220 kV Hướng Linh - Lao Bảo	ACSR 330	1	8.4	Xây mới
2.7	Đường dây 220 kV Điện gió LIG Hướng Hóa 2 – Điện gió LIG Hướng Hóa 1	ACSR 330	1	9.2	Xây mới
2.8	Đường dây 220 kV Điện gió LIG Hướng Hóa 1 - Hướng Tân	ACSR 330	1	4.5	Xây mới
2.9	Đường dây 220 kV TNC Quảng Trị 1 - Hướng Tân	ACSR 330	1	11	Xây mới
2.10	Đường dây 220 kV Hướng Linh - Lao Bảo	ACSR 330	1	12	Xây mới
2.11	Đường dây 220 kV Điện gió Tài Tâm - Lao Bảo	ACSR 330	1	12	Xây mới
3	**110 kV**				
3.1	Đường dây 110 kV Đông Hà 220 kV - Triệu Phong	ACSR 300	1	19	Xây mới
3.2	Đường dây 110 kV Đông Hà - Triệu	ACSR	1	16	Xây mới

STT	Đường dây	Tiết diện	Số mạch	Chiều dài (km)	Ghi chú
	Phong	300			
3.3	Điện gió Hướng Linh 3 - Lao Bảo	ACSR 300	2	10	Xây mới
3.4	Đường dây 110 kV Thủy điện Hướng Sơn - Cam Lộ	ACSR 300	2	34	Xây mới
3.5	Lao Bảo 220 kV chuyển tiếp trên đường dây 110 kV Lao Bảo – Thủy điện Đắkrông 2	ACSR 2x185	2	6	Xây mới
3.6	Đường dây 110 kV đường dây Hướng Hiệp 2 - Hướng Linh	ACSR 2x185	2	34	Xây mới
3.7	Đường dây 110 kV Diên Sanh - Mỹ Thủy	ACSR 300	2	11	Xây mới
3.8	Đường dây 110 kV Bắc Hồ Xá chuyển tiếp trên 1 mạch đường dây Vĩnh Linh - Áng Sơn	ACSR 2x185	2	5	Xây mới
3.9	Đường dây 110 kV Khu kinh tế Đông Nam - Mỹ Thủy	ACSR 300	2	1	Xây mới
3.10	Đường dây 110 kV Tân Lập - Khe Sanh	ACSR 185	1	4	Xây mới
3.11	Đường dây 110 kV Triệu Phong – Khu kinh tế Đông Nam	ACSR 300	2	15	Xây mới
3.12	Nâng tiết diện các mạch đường dây 110 kV Lao Bảo - Lao Bảo 220 kV - Đông Hà, Lao Bảo - Khe Sanh, Hướng Linh - Lao Bảo và Khe Sanh - Lao Bảo 220 kV	ACSR 2x185	2	85	Cải tạo, nâng khả năng tải
3.13	Nâng tiết diện đường dây 110 kV Đông Hà 220 - Đồng Hới 220 và các nhánh rẽ (Đông Hà 220 - Đông Hà, Đông Hà - Quán Ngang, Quán Ngang - Vĩnh Linh - Áng Sơn, Đông Hà - Lệ Thủy)	ACSR 2x185	2	60	Cải tạo, nâng khả năng tải
3.14	Nâng tiết diện đường dây 110 kV Đông Hà 220 kV - Phong Điền 220 kV	ACSR 185+240	2	30	Cải tạo, nâng khả năng tải
3.15	Chuyển đấu nối Điện gió Hướng Linh 1,2 sang đường dây 110 kV Lao Bảo 220 kV - Cam Lộ	ACSR 300	2	7	
II	**Giai đoạn 2026 - 2030**				

STT	Đường dây	Tiết diện	Số mạch	Chiều dài (km)	Ghi chú
1	**500 kV**				
1.1	Đường dây 500 kV Nhiệt điện Quảng Trị - Quảng Trị 500 kV	ACSR 4x400	2	17	Xây mới
1.2	Đường dây 500 kV Cụm nhà máy điện Xebanghieng (Lào) - 500 kV Lao Bảo	ACSR 4x400	2	10	Xây mới. Nhập khẩu điện Lào
1.3	Đường dây 500 kV LNG Hải Lăng – Nhiệt điện Quảng Trị	ACSR 4x400	2	6	Xây mới
2	**220 kV**				
2.1	Đường dây 220 kV Đông Nam - Quảng Trị 500 kV	ACSR 2x330	2	5.5	Xây mới
2.2	Đường dây 220 kV Tua bin khí Quảng Trị 340 MW chuyển tiếp Đông Nam - Quảng Trị 500 kV	ACSR 2x330	2	1.8	Xây mới
3	**110 kV**				
3.1	Đường dây 110 kV thị xã Quảng Trị chuyển tiếp trên 1 mạch đường dây Đông Hà 220 - Phong Điền 220	ACSR 185+240	2	1	Xây mới
3.2	Đường dây 110 kV Đông Giang chuyển tiếp trên 1 mạch đường dây Đông Hà - Lệ Thủy	ACSR 2x185	2	2.5	Xây mới
3.3	Đường dây 110 kV Triệu Trạch 1 chuyển tiếp Triệu Phong – Khu kinh tế Đông Nam - Mỹ Thủy	ACSR 300	2	1	Xây mới
3.4	Đường dây 110 kV Đông Nam 220 kV - QTIP	ACSR 300	1	16	Xây mới
3.5	Đường dây 110 kV QTIP chuyển tiếp trên 1 mạch đường dây Đông Hà 220 - Phong Điền 220	ACSR 185+240	2	1	Xây mới
3.6	Đông Nam 220kV chuyển tiếp trên 2 mạch đường dây Triệu Phong - Mỹ Thủy	ACSR 300	4	2	Xây mới
3.7	Đường dây 110 kV Đông Hà 220 - Quán Ngang	ACSR 300	2	13	Xây mới

Ghi chú:

- Các công trình nguồn điện và phương án đấu nối tương ứng chỉ được thực hiện khi đảm bảo phù hợp với quy hoạch phát triển điện lực quốc gia và kế hoạch thực hiện quy hoạch phát triển điện lực quốc gia, được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư theo quy định pháp luật có liên quan.

- Vị trí trạm biến áp, hướng tuyến và chiều dài đường dây sẽ được chuẩn xác trong quá trình xây dựng Kế hoạch thực hiện quy hoạch và giai đoạn thực hiện đầu tư.

D. DANH MỤC NGUỒN ĐIỆN TIỀM NĂNG TỈNH QUẢNG TRỊ

STT	Hạng mục và số lượng dự kiến	Vị trí dự kiến
1	Nguồn nhiệt điện LNG (02 dự án)	Huyện Hải Lăng
2	Nguồn thủy điện tiềm năng (06 dự án)	Các huyện: Hướng Hóa, Đakrông, TX Quảng Trị
3	Nguồn thủy điện tích năng tiềm năng (04 dự án)	Các huyện: Cam Lộ, Đakrông, Hướng Hóa, Gio Linh
4	Nguồn điện gió trên bờ tiềm năng (70 dự án)	Các huyện: Hướng Hóa, Đakrông, Gio Linh, Cam Lộ
5	Nguồn điện gió ngoài khơi tiềm năng (07 dự án)	Vùng biển ngoài khơi các huyện: Gio Linh, Vĩnh Linh, Triệu Phong, Hải Lăng, Cồn Cỏ
6	Nguồn điện mặt trời tiềm năng (20 dự án)	Các huyện: Hướng Hóa, Gio Linh, Vĩnh Linh, Triệu Phong, Hải Lăng
7	Nguồn điện sinh khối tiềm năng (06 dự án)	Các huyện: Cam Lộ, Triệu Phong, Vĩnh Linh, Hướng Hóa

Ghi chú: Các công trình nguồn điện tiềm năng và phương án đấu nối tương ứng chỉ được thực hiện khi đảm bảo phù hợp với quy hoạch phát triển điện lực quốc gia và kế hoạch thực hiện quy hoạch phát triển điện lực quốc gia, và được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư theo quy định pháp luật có liên quan.